

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 230/2024/DS-ST

Ngày 18 – 9 – 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2024/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N5.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N5, Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau (Quyết định uỷ quyền số 365/QĐ-NHNoPT ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Ngân hàng N5 - Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau - Có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Thành N, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đỗ Thành A, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Đỗ Thị N1. (vắng mặt)

3/ Ông Đỗ Thanh T. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Đỗ Thúy K, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Đỗ Trung T1, sinh năm 1964. (có mặt)

6/ Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1955. (vắng mặt)

7/ Ông Đỗ Thanh D, sinh năm 1961. (vắng mặt)

8/ Ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1980. (vắng mặt)

9/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979. (vắng mặt)

10/ Bà Đinh Thị N2, sinh năm 1970. (vắng mặt)

11/ Bà Đỗ Diễm M, sinh năm 1992. (vắng mặt)

12/ Bà Đỗ Thị Trùng D1, sinh năm 2000. (vắng mặt)

13/ Bà Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1981. (vắng mặt)

14/ Bà Đỗ Thị Phương V, sinh năm 2004. (vắng mặt)

15/ Ông Mai Thành V1. (vắng mặt)

16/ Ông Nguyễn Chí H2, sinh năm 1988. (vắng mặt)

17/ Hợp tác xã H4.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trung T1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

18/ Ông Lê Văn N3. (vắng mặt)

19/ Ông Lê Kha L1, sinh năm 1988. (vắng mặt)

20/ Bà Lê Hồng T3, sinh năm 1984. (vắng mặt)

21/ Bà Lê Thị D2, sinh năm 1982. (vắng mặt)

22/ Ông Lê Trường G. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 4 năm 2024 cùng các văn bản khác nguyên đơn Ngân hàng N5 - Chi nhánh huyện P trình bày: Ông Đỗ Thành N đã ký nhận vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N5 - Chi nhánh huyện P (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số 7508LAV202001203 ký ngày 24/3/2020 để vay số tiền vốn là 700.000.000 đồng, hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 11.17.THT.0115/PLHĐTC ký ngày 19/10/2017 kèm theo phụ lục hợp đồng thế chấp số 11.20.THT.0115/PLHĐTC ký ngày 13/3/2020 do ông Đỗ Văn N4 (Nhân) thế chấp bảo lãnh bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0828969

với diện tích 29.640m² phần đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Minh Hải (nay là huyện P, tỉnh Cà Mau) do ông N4 đứng tên. Tính đến thời điểm ngày 17/10/2023 ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 968.550.685 đồng. Trong đó, nợ gốc là 700.000.000 đồng, lãi 268.550.685 đồng.

Hiện ông N4 đã chết, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ gia đình để làm việc về vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết lâu ngày không thanh toán. Gia đình hứa nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ. Nay yêu cầu ông N, bà T2, ông T1, ông H1, ông D, ông H, ông A, bà K, ông T, bà N1, ông N3, bà D2, bà T3, ông G, và ông Kha L1 liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi 968.550.685 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2023 đến khi thanh toán hết nợ vay mà ông N còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2023 bị đơn ông Đỗ Thành N trình bày: Cha mẹ ông là ông Đỗ Văn N4 và bà Nguyễn Thị K1 có 11 người con: Ông Đỗ Thanh A1, bà Đỗ Thị L2 (chết), ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Thanh D, bà Đỗ Thị K2, ông Đỗ Văn T4, ông Đỗ Trung T1, bà Đỗ Thị N1, ông Đỗ Văn H3 (chết lúc nhỏ chưa vợ con), ông Đỗ Thành N, ông Đỗ Văn H1. Chồng bà Đỗ Thị L2 là ông Lê Văn N3; bà L2 và ông N3 có 04 người con là ông Lê Kha L1, ông Lê Trường G, bà Lê Hồng T3 và bà Lê Thị D2. Ông thừa nhận việc trình bày của Ngân hàng về thời gian xác lập hợp đồng tín dụng và số tiền vay là đúng. Do thời gian qua làm ăn khó khăn nên ông đã để món nợ trên quá hạn. Nay ông đồng ý thanh toán số tiền vốn và lãi là 968.550.685 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2023 đến khi thanh toán hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp không trả nợ đúng hạn thì đồng thời đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2024, ông Đỗ Trung T1, bà Đinh Thị N2, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn H1 và bà Nguyễn Ngọc M1 trình bày: Việc ông N thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N4 để vay vốn ngân hàng. Phần đất ông N4 chết để lại trước đó ông N4 đã lập di chúc để phân chia cho các con trong gia đình. Theo di chúc ông N được chia phần đất diện tích 05 công tằm lớn. Đối với việc ông N vay vốn và số tiền vay ông N sử dụng riêng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông bà có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng thì ông bà không đồng ý. Ông bà yêu cầu đưa phần đất mà ông N được hưởng theo di chúc để xử lý nợ cho ngân hàng, phần còn lại của ai người đó đương nhiên được hưởng và quản lý, sử dụng. Việc ông N vay vốn ngân hàng và sử dụng riêng thì ông N phải tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Đồng thời ông bà cùng yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2024 và ngày 24/4/2024 bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Ông N vay vốn ngân hàng để vợ chồng sử dụng chung vào việc phát triển kinh tế và chi xài trong gia đình. Nay Ngân hàng yêu cầu ông bà thanh toán tổng số tiền vốn và lãi là 968.550.685 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2023 đến khi thanh toán hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời đưa tài sản thế chấp ra xử lý để thu hồi nợ. Bà đồng ý cùng ông N thanh toán nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần và bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 17/4/2024 ông Đỗ Thanh D trình bày: Việc ông N thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N4 để vay vốn ngân hàng thì ông biết. Nay Ngân hàng yêu cầu ông cùng ông N trả nợ cho ngân hàng và đưa tài sản thế chấp ra để xử lý thu hồi nợ ông đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tại biên bản làm việc ngày 19/4/2024 bà Đỗ Thị N1 trình bày: Bà không liên quan gì đến khoản vay mà ông N vay Ngân hàng nên bà không đồng ý nhận văn bản tố tụng và cũng không có ý kiến gì.

Tại biên bản làm việc ngày 19/4/2024 ông Đỗ Thành A trình bày: Ông N vay tiền Ngân hàng cũng như việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N4 để vay vốn Ngân hàng thì ông không biết. Nay Ngân hàng yêu cầu ông cùng ông N có trách thanh toán số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng, đồng thời đưa tài sản thế chấp để xử lý thu hồi nợ thì ông không đồng ý. Yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 19/4/2024 bà Lê Thị D2 trình bày: Do bà là con cháu nên bà không có ý kiến gì và cũng không đồng ý nhận văn bản tố tụng.

Tại biên bản làm việc ngày 19/4/2024 bà Lê Hồng T3 trình bày: Bà không liên quan đến khoản vay mà ông N đã vay nên bà không có ý kiến gì và cũng không đồng ý nhận văn bản tố tụng.

Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2024 ông Mai Thành V1 trình bày: Ông H1 có cho ông mượn phần đất nền khoảng 85m² để cất nhà tiền chế phục vụ cho việc đậu xe. Hiện tại phần đất trên ông N thế chấp ngân hàng để vay vốn. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Nếu trường hợp phần đất trên phát mãi để trả nợ ngân hàng thì ông sẽ tự tháo dỡ, di dời và trả lại phần đất ông đã mượn của ông H1. Ông không yêu cầu gì đối với thiệt hại xảy ra và yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2024 ông Nguyễn Chí H2 trình bày: Năm 2015 khi thành lập hợp tác xã H4, ông N có kêu gọi thành viên nên ông tham gia với chức vụ Phó giám đốc hợp tác xã. Ông có góp vốn vào xây dựng hợp tác xã hoạt

động với số tiền 10.000.000 đồng. Việc góp vốn ông không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thúy K, bà Đỗ Diễm M, bà Đỗ Thị Trùng D1, bà Đỗ Thị Phương V, ông Lê Văn N3, ông Lê Kha L1, ông Lê Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày: Quá trình vay ông N thanh toán tiền vốn ngày 13/5/2024 số tiền 180.000.000 đồng, lãi 0 đồng. Nay Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Đỗ Thành N trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 18/9/2024 là 893.779.178 đồng. Trong đó, nợ gốc là 520.000.000 đồng, lãi 373.779.178 đồng và trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, yêu cầu đưa tài sản của ông N4 đã thế chấp ra xử lý để thu hồi nợ.

- Ông Đỗ Trung T1 trình bày: Khi thành lập hợp tác xã H4 ông góp vốn vào xây dựng hợp tác xã hoạt động với số tiền 100.000.000 đồng. Việc góp vốn ông không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Trường hợp phát mãi tài sản ông không đồng ý phát mãi toàn bộ phần đất vì ông N4 đã để lại di chúc chia cho các con nên yêu cầu phát mãi phần đất ông N được hưởng theo di chúc để xử lý nợ cho ngân hàng.

- Ông Đỗ Thành N, ông Đỗ Thành A, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Thanh D, bà Đỗ Thúy K, ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thị N1, ông Đỗ Văn H1, bà Nguyễn Thị T2, bà Đinh Thị N2, bà Đỗ Diễm M, bà Đỗ Thị Trùng D1, bà Nguyễn Ngọc M1, bà Đỗ Thị Phương V, ông Mai Thanh V2, ông Nguyễn Chí H2, ông Lê Văn N3, bà Lê Thị D2, bà Lê Hồng T3, ông Lê Kha L1, ông Lê Trường G vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

- Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N5 buộc ông Đỗ Thành N thanh toán cho Ngân hàng N5 tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 18/9/2024 là 893.779.178 đồng. Trong đó, nợ gốc là 520.000.000 đồng, lãi 373.779.178 đồng và trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, yêu cầu đưa tài sản của ông N4 đã thế chấp ra xử lý để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N5 khởi kiện bị đơn ông Đỗ Thành N yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Thành N, cư trú tại ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn H1, bà Đinh Thị N2, bà Nguyễn Ngọc M1, bà Nguyễn Thị T2, ông Mai Thành V1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Ông Đỗ Thành N, ông Đỗ Thành A, ông Đỗ Thanh D, bà Đỗ Thúy K, ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thị N1, bà Đỗ Diễm M, bà Đỗ Thị Trùng D1, Đỗ Thị Phương V, ông Nguyễn Chí H2, ông Lê Văn N3, bà Lê Thị D2, bà Lê Hồng T3, ông Lê Kha L1, ông Lê Trường G, Hợp tác xã H4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét về nội dung: Vào ngày 24/3/2020 việc ông Đỗ Thành N vay nợ tại Ngân hàng N5 - Chi nhánh huyện P là thực tế có xảy ra, khi vay đôi bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và có lãi, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vay tín dụng số 7508LAV202001203 ký ngày 24/3/2020 với số tiền vốn 700.000.000 đồng thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay nuôi tôm, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 11.17.THT.0115/HĐTC ngày 19/10/2017 kèm theo phụ lục hợp đồng thế chấp số 11.20.THT.0115/PLHĐTC ngày 13/3/2020 do ông Đỗ Văn N4 thế chấp bảo lãnh bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0828969 với diện tích 29.640m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Minh Hải (nay là huyện P, tỉnh Cà Mau). Tính đến ngày 17/10/2023 phía ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là vi phạm thời hạn thanh toán nợ khi đến hạn theo hợp đồng xác lập làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Từ khi xác lập hợp đồng vay số 7508LAV202001203 ngày 24/3/2020 đến thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 17/10/2023 thì khoản nợ vay của ông N đã quá hạn. Quá trình vay ông N thanh toán tiền vốn ngày 13/5/2024 số tiền 180.000.000 đồng, lãi 0 đồng. Sau khi đối chiếu khoản nợ gốc vay chưa thanh toán và mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thấy rằng số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán 520.000.000 đồng do ông N vay tính

đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2024 với lãi phát sinh 373.779.178 đồng và thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp theo mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với ông N thừa nhận nợ và đồng ý trả khoản nợ vay theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

Hợp đồng thế chấp bất động sản giữa Ngân hàng với ông N4 đã được chứng thực và đăng ký giao dịch có bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Cà Mau theo đúng quy định nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên có nghĩa vụ thực hiện theo hợp đồng. Tại hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận trong trường hợp ông N không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà ông N4 đã thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, khi ông N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nghĩa vụ của người thế chấp tài sản là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phát mãi phần đất ông N được chia theo di chúc. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về di sản do ông N4 để lại thì có quyền khởi kiện thành vụ án tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 18/9/2024 với số tiền vốn 520.000.000 đồng và lãi phát sinh 373.779.178 đồng. Đồng thời, ông N phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản lãi kể từ ngày 19/9/2024 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nghĩa vụ của người thế chấp, tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0828969, sổ vào sổ cấp 22818 do UBND huyện C, tỉnh Minh Hải cấp ngày 17/01/1994 có diện tích 29.640m², phần đất tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Minh Hải nay là ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 317, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N5. Buộc ông Đỗ Thành N thanh toán cho Ngân hàng N5 tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 18/9/2024 là 893.779.178 đồng (T5 trăm chín mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

Trong đó vốn 520.000.000 đồng, lãi 373.779.178 đồng và trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ.

Kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Đỗ Thành N không trả nợ thì Ngân hàng N5 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản của ông Đỗ Văn N4 (Nhân) đã thế chấp là quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0828969, sổ vào sổ cấp 22818 do UBND huyện C, tỉnh Minh Hải cấp ngày 17/01/1994 có diện tích 29.640m², phần đất tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Minh Hải nay là ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau do ông Đỗ Văn N4 (Nhân) đứng tên và tài sản khác gắn liền với đất để bảo đảm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Đỗ Thành N chịu số tiền 38.813.000 đồng (làm tròn số).
- Ngân hàng N5 đã dự nộp số tiền 20.528.000 đồng theo biên lai thu số 0019276 ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, Ngân hàng được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân,
- Chi cục THADS huyện Phú Tân,
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như